

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm mạnh trước lo ngại tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, Hà Nội thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh không thiết yếu từ 0h ngày 13/7

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm trước lo ngại về tình hình dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp

[Thông tin doanh nghiệp]

DCM, ABB

[Cập nhật công ty]

VPI

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng vị thế trading khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập hoặc bán cân đối lại tỷ trọng trong kịch bản chỉ số hồi phục sớm và tiến lên vùng cản gần tại quanh 1310

12/07/2021

	Chi số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,296.30	-3.77
VN30	1,443.10	-3.43
HĐTL VN30F1M	1,443.90	-3.55
HNXIndex	292.98	-4.48
HNX30	459.52	-3.83
UPCoM	83.89	-3.66
USD/VND	23,009	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.17	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.90	+12
Dầu (WTI, \$)	73.70	-1.15
Vàng (LME, \$)	1,803.13	-0.29



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,296.30 (-3.77%)
KLGD (triệu CP) 961.7 (+37.1%)
GTGD (triệu US\$) 1,374.1 (+22.9%)

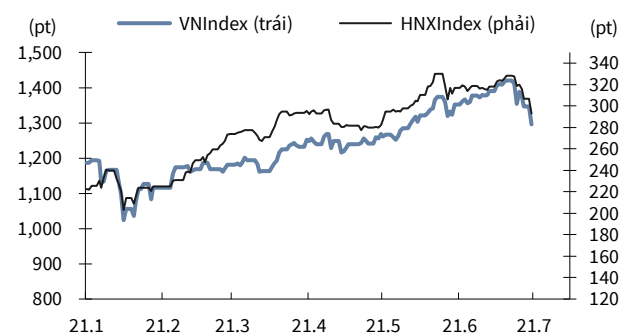
HNXIndex 292.98 (-4.48%)
KLGD (triệu CP) 194.4 (+53.9%)
GTGD (triệu US\$) 172.1 (+45.9%)

UPCoM 83.89 (-3.66%)
KLGD (triệu CP) 86.5 (-28.5%)
GTGD (triệu US\$) 60.2 (-4.9%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +87.1

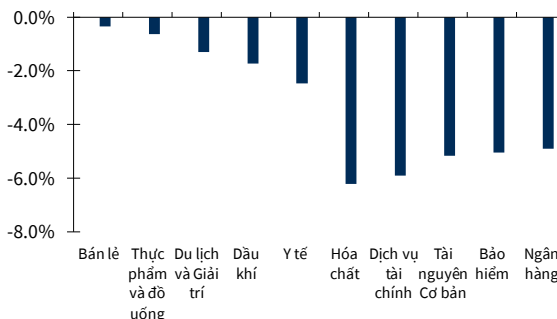
TTCK Việt Nam giảm mạnh trước lo ngại tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, Hà Nội thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh không thiết yếu từ 0h ngày 13/7. Cổ phiếu ngành dầu khí tăng giá ở PVS (+3.8%) và PVD (+2.7%) khi giá dầu tiếp tục duy trì ở mức cao trong bối cảnh biến thể Delta của Covid-19 đang đe dọa một đợt phong tỏa mới trên khắp thế giới, phủ bóng đen lên triển vọng về nhu cầu năng lượng và bế tắc giữa Saudi Arabia cùng UAE chưa được giải quyết. Ngân hàng Nhà nước yêu cầu các ngân hàng xem xét tiếp tục giảm lãi suất cho vay với các khoản dư nợ hiện hữu khiến cổ phiếu ngành ngân hàng giảm giá CTG (-6.9%), BID (-6.5%). Cổ phiếu ngành điện giao dịch tích cực hơn thị trường chung ở QTP (+3.8%), HID (+2.8%). Khối ngoại mua ròng mạnh ở STB (-2.4%), SSI (-5.9%), HPG (-5.0%).

VNIndex & HNXIndex



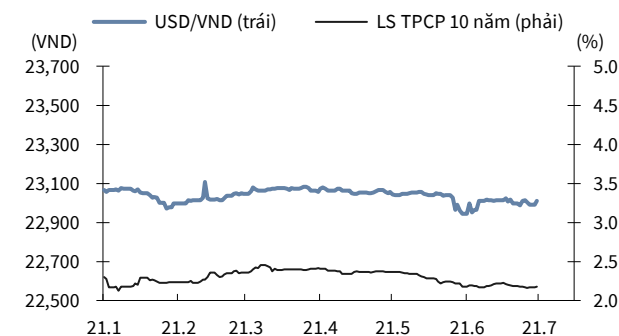
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



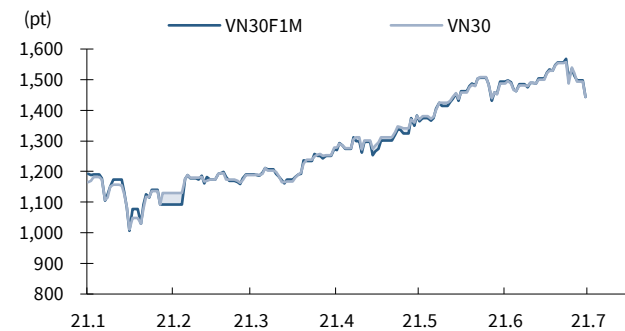
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,443.10 (-3.43%)
VN30F1M	1,443.9 (-3.55%)
Mở cửa	1,503.0
Cao nhất	1,503.8
Thấp nhất	1,401.0
KLGD (HĐ)	403,006 (+32.0%)

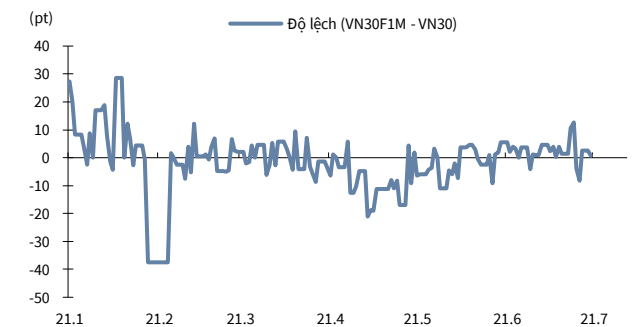
HĐTL giảm điểm trước lo ngại về tình hình dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp. Chênh lệch F2107 và VN30 mở cửa ở mức 2.6 sau đó giằng co liên tục trong phiên nhưng vẫn duy trì ở mức dương và đóng cửa ở mức 0.8. NĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản cao kỷ lục.

HĐTL VN30F1M & VN30



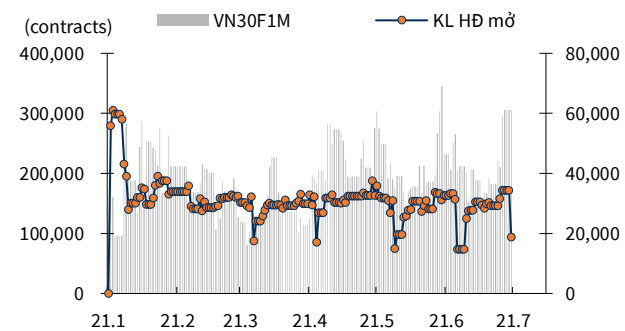
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



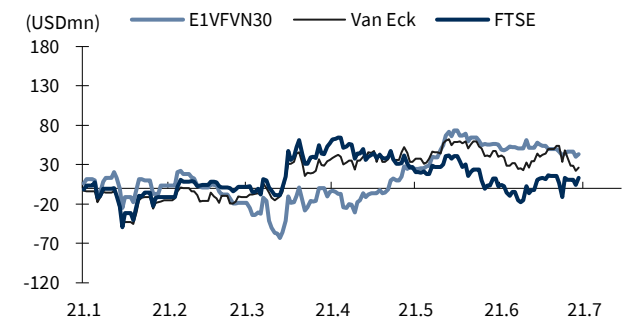
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

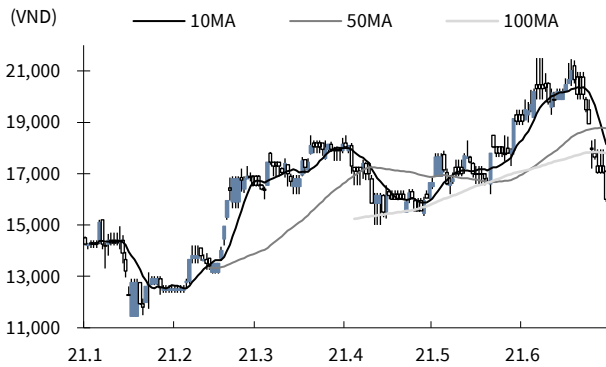
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

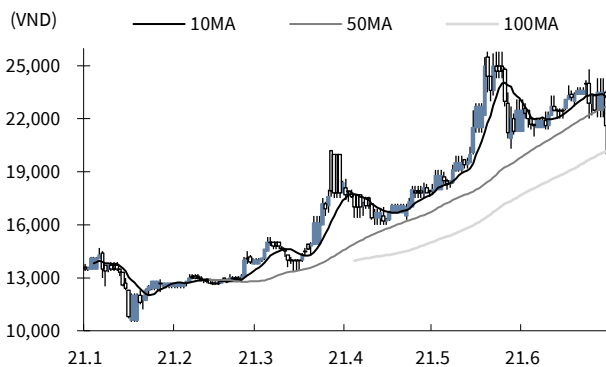
Phân bón Dầu khí Cà Mau (DCM)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DCM giảm -6.2% xuống 16,000 VNĐ/cp.
- Phân bón Dầu khí Cà Mau cho biết lợi nhuận trước thuế quý 2 đạt 250 tỷ đồng (-11% YoY) và doanh thu 2,432 tỷ đồng (+24% YoY) và sản lượng tiêu thụ 205 nghìn tấn (-19% YoY). Công suất vận hành nhà máy trong quý 2 đạt trên 110% đủ để bù đắp sản lượng hụt trong quý I do ảnh hưởng bởi nguồn cấp khí nguyên liệu.

ABBank (ABB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- ABB giảm -7.7% xuống 21,600 VNĐ/cp.
- ABBank công bố kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 với lợi nhuận trước thuế 1,164 tỷ đồng (+85% YoY) và tín dụng tăng trưởng 6.4%.
- Trước đó, ABBank đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ thêm hơn 3,696 tỷ đồng, tương đương tỷ lệ gần 65%, lên gần 10,000 tỷ đồng.

Văn Phú - Invest (VPI)

Lợi nhuận quay lại đà tăng trưởng

Chuyên viên phân tích Bất động sản

Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

08/07/2021

Kết quả kinh doanh Quý 1/2021 tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ năm 2020.

Lợi nhuận sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong nửa cuối năm khi dự án The Terra - An Hưng hoàn thiện và bàn giao.

Tiếp tục triển khai các dự án gối đầu

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 40,300VND/cổ phiếu

Kết quả kinh doanh Quý 1/2021 của VPI tăng trưởng đáng kể so với cùng kỳ năm 2021, tuy nhiên mới chỉ đạt 2% kế hoạch lợi nhuận năm do dự án The Terra - An Hưng sẽ được bàn giao và ghi nhận doanh thu trong quý 4/2021.

Lợi nhuận năm 2021 tăng trưởng tích cực nhờ hoàn thiện và bàn giao dự án The Terra - An Hưng. Chúng tôi ước tính dự án sẽ đem lại 2,565 tỷ VND doanh thu và cho VPI. Cho cả năm 2021, doanh thu ước tính của VPI đạt 3,048 tỷ VND (+41% yoy), lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 338 tỷ VND (+12% yoy).

Bên cạnh đó, VPI bắt đầu đẩy mạnh phát triển dự án tại các tỉnh khác như Bắc Ninh, Thanh Hóa, Cần Thơ, TP Hồ Chí Minh. Các dự án mới được khởi công trong năm nay đều đã có đầy đủ pháp lý để triển khai và mở bán trong năm 2021 và 2022, qua đó đảm bảo cho kết quả kinh doanh cũng như dòng tiền của doanh nghiệp.

Sau năm 2020 suy giảm về KQKD, chúng tôi dự báo VPI sẽ bước vào giai đoạn 2021-2022 với lợi nhuận tăng trưởng khả quan. Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VPI với giá mục tiêu là 40,300/cp, cao hơn 15% so với giá đóng cửa ngày 07/07/2021.

MUA duy trì

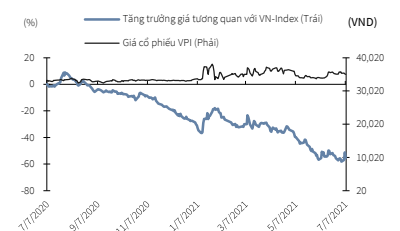
Giá mục tiêu	40,300
Tăng/giảm (%)	15%
Giá hiện tại (07/07/2021)	35,000VND
Giá mục tiêu đồng thuận	
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/ triệu USD)	7,000/304

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	40%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	179/7.8
Sở hữu nước ngoài (%)	0.33%
Cổ đông lớn	Ông Tô Như Toàn (25%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
VPI	3	-6	6	6
VN-INDEX	2	13	27	61

FY-end	2019	2020	2021F	2022F
Doanh số thuần (tỷ VND)	3,057	2,165	3,048	2,405
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	634	385	453	596
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	506	301	338	429
EPS (VND)	3,165	1,505	1,692	2,144
Tăng trưởng EPS (%)	33	-52	12	27
P/E (x)	11.19	23.53	6.97	5.50
P/B (x)	2.29	2.57	0.81	0.79
ROE (%)	20	11	12	15
Tỷ suất cổ tức (%)	6	5		

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua nhịp lao dốc mạnh trong phiên trước khi phục hồi vào cuối phiên, lấy lại một phần điểm số đã mất.
- Với nhịp giảm mạnh trong phiên, chỉ số đã rơi thẳng về sát vùng hỗ trợ sâu tại 126x. Nhịp hồi phục cuối phiên có thể được xem là phản ứng sớm với vùng hỗ trợ này. Mặc dù VNIndex có thể sẽ còn trải qua diễn biến rung lắc mạnh trong phiên ngày mai, test sâu xuống vùng hỗ trợ đã đề cập, nhưng cơ hội sớm xuất hiện nhịp hồi phục sau đó đang được đánh giá cao.
- NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng vị thế trading khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ đã đề cập hoặc bán cân đối lại tỷ trọng trong kịch bản chỉ số hồi phục sớm và tiến lên vùng cản gần tại quanh 1310.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1479 - 1484

Kháng cự gần: 1459 - 1464

Hỗ trợ gần: 1421 - 1426

Hỗ trợ xa: 1395 - 1400

- F1 trải qua nhịp lao dốc mạnh trong phiên trước khi phục hồi vào cuối phiên, lấy lại một phần điểm số đã mất.
- Chỉ số đã cho phản ứng sớm quanh cận trên vùng hỗ trợ 139x và để ngỏ khả năng có thêm nhịp phục hồi kỹ thuật trong phiên tới. Tuy nhiên, cơ hội thành công của nhịp hồi này chưa được đánh giá cao và F1 có thể sẽ sớm chịu áp lực rung lắc giảm xuống các mốc hỗ trợ sâu hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế SHORT tại các nhịp hồi sớm nhưng ưu tiên mở LONG khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ sâu.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục tạm thời đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

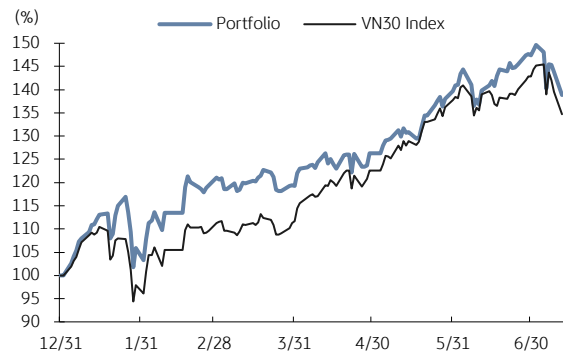
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-3.43%	-3.45%
Tăng lũy kế (YTD)	34.77%	38.83%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 12/07/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	176,600	0.1%	52.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	37,000	-2.6%	51.3%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	102,100	-3.2%	33.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	29,800	-3.9%	136.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	52,300	-1.1%	53.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,100	-4.0%	195.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	35,000	-6.9%	85.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	88,000	-4.0%	19.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	44,950	-5.0%	210.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	31,000	-3.7%	126.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	-2.4%	12.9%	333.5
SSI	-5.9%	47.1%	202.8
HPG	-5.0%	26.4%	179.7
KDH	-1.1%	32.4%	75.7
DXG	-4.4%	27.5%	73.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VPB	-7.0%	15.5%	-23.3
MBB	-3.9%	21.4%	-18.5
FRT	3.6%	14.5%	-14.4
VHC	-5.4%	22.6%	-12.8
VIC	-4.2%	15.8%	-10.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BSI	-9.8%	0.9%	15.8
BVS	-9.5%	8.7%	6.8
MBS	-9.4%	0.3%	4.8
VND	-9.6%	17.9%	3.8
THD	0.2%	0.8%	2.7

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	3.9%	8.0%	-9.2
PAN	-5.0%	34.3%	-4.7
NTP	-6.3%	19.4%	-0.6
ACM	-7.1%	4.6%	-0.5
DST	-7.5%	1.5%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	4.3%	MWG, VPG
Thực phẩm và đồ uống	-2.3%	MSN, DAT
Du lịch và Giải trí	-2.4%	VJC, DSN
Hàng cá nhân & Gia dụng	-3.3%	PNJ, BKG
Y tế	-3.6%	TRA, PME

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-15.9%	GVR, DCM
Dịch vụ tài chính	-13.3%	SSI, VND
Tài nguyên Cơ bản	-12.8%	HPG, HSG
Bảo hiểm	-11.5%	BVH, BIC
Ô tô và phụ tùng	-10.2%	TCH, DRC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	20.6%	MWG, DGW
Công nghệ thông tin	2.0%	FPT, SGT
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.1%	PNJ, TCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.5%	GAS, PGD
Du lịch và Giải trí	-2.0%	VJC, SCS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	-15.5%	HPG, HSG
Truyền thông	-13.6%	YEG, ADG
Bảo hiểm	-13.0%	BVH, BIC
Dầu khí	-9.0%	PLX, PVD
Ô tô và phụ tùng	-9.0%	TCH, DRC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	233,696 (10.2)	22.5	75.1	47.4	14.7	7.7	9.0	3.8	3.4	-4.2	-9.6	-	11.9	-3.9
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	536,504 (23.3)	26.6	11.5	10.2	35.9	31.5	27.5	3.1	2.4	-4.3	-8.9	1.9		20.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	142,253 (6.2)	17.8	21.9	17.9	-7.6	8.8	10.1	2.0	1.8	-6.3	-8.5	-	14.3	-14.0
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	381,389 (16.6)	31.3	28.4	31.2	6.7	16.2	13.0	4.5	4.4	1.3	-8.6	0.2		118.5
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	90,110 (3.9)	11.6	18.7	13.9	18.0	14.2	17.0	2.4	2.1	-1.6	-1.6	-1.6		35.9
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	193,023 (8.4)	13.9	8.6	7.8	-	19.1	18.2	1.5	1.3	-2.4	-3.9	-	12.9	37.9
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	219,825 (9.6)	6.3	17.4	14.6	11.7	22.1	21.7	3.4	2.8	-0.5	-5.7	4.2		9.4
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	177,694 (7.7)	12.7	17.9	13.1	-5.3	12.0	14.6	1.9	1.6	-6.9	10.0	-7.1		-12.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,247,148 (54.2)	0.0	11.6	9.8	14.3	19.8	19.2	2.1	1.7	-5.5	-7.8	1.7		69.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	972,220 (42.3)	1.4	10.4	8.6	61.1	19.8	20.0	1.7	1.5	-7.5	13.3	14.6		30.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	1,516,133 (65.9)	0.0	11.3	10.7	18.8	21.6	18.5	2.1	1.7	-6.4	12.0	10.7		96.9
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	1,011,693 (44.0)	0.0	10.2	8.7	14.6	21.4	20.8	1.9	1.6	-4.2	-6.7	2.1		76.5
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	160,153 (7.0)	4.2	9.8	8.1	23.3	21.3	20.2	1.8	1.5	-4.8	-9.6	-1.9		42.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	929,693 (40.4)	14.0	24.4	16.7	26.5	8.8	11.0	1.7	1.5	-4.2	12.9	-6.9		68.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	183,774 (8.0)	0.0	8.2	6.9	37.5	23.0	21.4	1.7	1.4	-7.2	10.8	-4.2		30.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	18,487 (0.8)	0.2	41.7	22.6	27.3	5.8	10.0	2.0	1.9	1.1	-9.3	-5.3		49.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	88,807 (3.9)	21.0	21.8	19.3	15.2	8.4	9.0	1.8	1.7	-6.7	13.7	12.2		-23.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	22,592 (1.0)	14.2	17.7	13.9	9.1	9.7	11.7	1.5	1.3	-4.3	-0.9	15.9		22.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	743,409 (32.3)	55.4	20.3	15.8	-3.2	14.3	16.2	-	-	-7.6	12.4	-1.2		49.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	216,025 (9.4)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-6.5	12.7	12.2		77.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	327,316 (14.2)	52.4	21.4	-	-19.0	17.1	-	2.9	-	10.1	15.7	13.6		42.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	322,464 (14.0)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-9.6	20.4	-5.0		101.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	304,427 (13.2)	42.1	17.6	16.5	4.0	33.9	34.5	5.4	5.1	-1.3	-3.3	-6.2		-20.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	24,650 (1.1)	36.9	20.7	18.0	7.3	23.2	23.6	4.3	4.0	-1.5	-4.6	-3.2		-18.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	174,102 (7.6)	16.5	51.0	29.6	-51.9	12.9	17.9	6.9	5.5	1.0	7.4	13.1		34.9
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	153,530 (6.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-9.9	16.8	16.4		-40.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	70,393 (3.1)	11.0	160.0	24.5	-88.5	3.8	16.6	3.5	2.9	1.9	1.4	3.9		-4.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	121,061 (5.3)	10.8	23.0	16.0	-57.0	8.7	12.1	1.8	1.7	-5.1	12.8	-6.1		19.0
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	52,409 (2.3)	38.4	12.5	7.6	65.7	6.5	9.9	0.9	0.9	-6.4	12.8	15.8		-25.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (91)	113,160 (4.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.9	21.5	28.0		90.9
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	147,897 (6.4)	37.7	15.8	11.0	-12.7	12.7	13.8	-	-	-3.5	-6.1	-2.4		23.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	24,062 (1.0)	3.6	14.0	12.4	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	-2.1	-1.3	-1.3		-20.2
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	40,195 (1.7)	0.0	8.9	7.2	-4.5	13.4	15.2	1.1	1.1	-0.4	-4.6	-4.7		6.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	113,028 (4.9)	46.1	16.6	15.2	-17.5	20.0	20.4	3.2	2.9	-5.2	-4.3	1.1	1.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	9,849 (0.4)	31.4	12.4	8.0	-10.5	10.5	16.3	-	-	-3.8	-7.8	-3.6	-23.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	7,312 (0.3)	34.1	9.6	9.7	-5.1	12.2	13.4	1.2	1.3	-4.0	-6.3	0.8	-2.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,588,736 (69.1)	18.0	7.2	6.8	21.9	42.3	28.9	2.2	1.7	-6.3	-	-	46.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	63,294 (2.8)	36.5	9.0	12.3	-0.5	11.0	7.8	0.9	0.9	-3.6	11.8	-6.6	5.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	82,010 (3.6)	46.5	14.2	14.6	-4.5	10.1	9.1	1.3	1.3	-8.0	17.9	16.0	14.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	487,821 (21.2)	38.9	4.8	6.3	67.9	43.0	23.9	1.7	1.3	-8.8	20.7	17.6	63.9
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	273,871 (11.9)	97.2	9.8	10.7	17.2	10.5	11.0	0.9	0.9	-6.4	17.0	-4.3	6.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	170,207 (7.4)	4.6	18.3	15.2	-51.0	15.7	16.7	2.5	2.5	-2.8	-8.9	-8.1	-9.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	179,992 (7.8)	39.9	41.6	17.4	-11.9	1.4	3.5	0.5	0.5	1.1	11.8	15.6	17.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	109,750 (4.8)	35.9	8.3	7.8	1.2	13.6	13.4	1.1	1.0	-1.9	11.7	12.3	26.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	142,135 (6.2)	0.0	16.2	13.5	13.7	26.7	27.0	4.2	3.4	0.3	6.1	28.9	48.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	61,614 (2.7)	0.0	17.5	13.8	2.4	24.1	23.8	3.7	3.1	-3.7	2.8	5.4	26.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,452 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-5.4	17.4	23.6	-63.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	50,439 (2.2)	30.3	22.6	15.8	-75.2	8.5	11.8	1.9	1.8	4.3	2.6	15.1	-5.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	53,912 (2.3)	34.6	7.6	10.7	41.2	26.2	19.9	1.9	2.0	-5.3	10.6	11.3	-23.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,803 (0.1)	45.4	16.3	15.0	10.7	20.5	20.7	3.1	2.8	-2.0	-2.6	-2.2	-11.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	080 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	3.1	0.0	2.7	9.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	239,025 (10.4)	0.0	19.6	16.1	15.6	25.6	26.4	4.3	3.8	-4.1	-7.1	3.1	67.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.